

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-PT

Ngày: 12 /11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng;

Bà Nguyễn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo **Võ Văn T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2019/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Bị cáo có kháng cáo:

Võ Văn T, sinh ngày 20/12/1996 tại tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố 4, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ sửa xe ô tô; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1970.

Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình bản thân: Ngày 22/5/2014, bị Công an phường Đ, thành phố Đ xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Võ Thị Kim L, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, thành phố Đ, Quảng Trị. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Nhật P, sinh năm 2000; cư trú tại: Khu phố 1, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Phan Văn S1, sinh năm 1987; cư trú tại: Khu phố 1, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Phan Văn S2, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu phố 1, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 13/4/2019, Võ Văn T đến nhà của Nguyễn Nhật P ở Khu phố 1, Phường 2, thành phố Đ chơi, đến 20 giờ cùng ngày thì cả hai về nhà T ở Khu phố 4, phường Đ, thành phố Đ. Do thiếu tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định lấy trộm tivi hiệu Samsung màu đen loại 40 inch của chị Võ Thị Kim L (chị gái T) đang treo trên tường trong phòng khách đem đi cầm cố. T gọi xe taxi của hãng taxi Sun do anh Hoàng Xuân P (trú tại huyện G, Quảng Trị) điều khiển. T bảo P ra xe trước còn T tháo tivi xuống đưa ra xe đi cùng với P. Thấy T ôm tivi nên P hỏi: “Anh ôm tivi ra đây làm gì”, T trả lời “mang đi sửa”.

Trên đường đi, T gọi điện cho Phan Văn S1 (trú tại Khu phố 1, Phường 2, thành phố Đ) nói với S “Em có chiếc tivi anh cầm cho em với”, S trả lời “đưa tivi đến nhà P để anh đến xem”, T nói với P “anh cần tiền trả nợ nên cầm tivi mấy ngày”. T đưa tivi tới nhà P, sau đó S và Phan Văn S2 (anh trai của S) đến. T nói với S1 muốn cầm tivi với giá 2.600.000 đồng. S1 không đủ tiền nên S2 cho T mượn tiền và giữ chiếc tivi lại. T đưa 2.500.000 cho P nhờ P trả lại tiền cho một người tên Q (không rõ lai lịch và địa chỉ), còn 100.000 đồng T tiêu xài hết. Đến 21 giờ cùng ngày, Công an phường Đ mời Võ Văn T đến làm việc. Tại đây, T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 76/KLĐGTS ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: Trị giá còn lại của 01 tivi hiệu SAMSUNG màu đen loại 40 inch là 5.243.000 đồng (*Năm triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Trong quá trình điều tra, bị cáo T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình, lợi dụng lúc chị L đi vắng T đã lấy trộm chiếc tivi của chị L mang đi cầm cố với số tiền 2.600.000 đồng để trả nợ và tiêu xài có nhân.

Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Võ Văn T: 06** (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 09/9/2019, Võ Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, thành khẩn khai báo không quanh co chối tội; bị cáo cho rằng việc lấy chiếc tivi của chị gái ở chung một nhà không phải là hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác; bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân xấu bởi vì tại thời điểm năm 2014, bị cáo còn quá nhỏ nên bị bạn bè lôi kéo, chưa ý thức được hành vi sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến hậu quả bị xử phạt vi phạm hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Võ Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Văn T phù hợp với các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên Công an thành phố Đ, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là anh Nguyễn Nhật P, anh Phan Văn S1, anh Phan Văn S2, tuy nhiên sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì đã có lời khai của những người làm chứng trong hồ sơ vụ án nên HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về hành vi phạm tội: bị cáo T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình, lợi dụng lúc chị L đi vắng T đã lấy trộm chiếc tivi của chị L mang đi cầm cố với số tiền 2.600.000 đồng để trả nợ và tiêu xài có nhân. Với hành vi nêu trên của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo:

Đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Võ Văn T, HĐXX thấy rằng: Do cần tiền trả nợ và cần tiền tiêu xài nên Võ Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong nhà đem đi cầm cố. Bị cáo cho rằng việc lấy chiếc tivi của chị gái ruột mang đi cầm cố không phải hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là sai trái về mặt nhận thức pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; khắc phục hậu quả là đã hoàn trả lại số tiền cho bị hại để chuộc lại chiếc tivi là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo T 06 (Sáu) tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Hình phạt 6 tháng là mức thấp nhất, khởi điểm của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ thường xuyên đau ốm phải nằm viện. Xét thấy hiện nay gia đình bị cáo còn có hai chị gái có thể chăm sóc cho mẹ bị cáo nên không chấp nhận lời trình bày của bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, cần xét xử nghiêm mới đảm bảo răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn T cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra người bị hại là chị Võ Thị Kim L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thắng.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Võ Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Văn T 06** (Sáu) tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- TAND thành phố Đ (02 bản);
- Công an thành phố Đ;
- VKSND thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, Tổ HCTP; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà